

PSE C3 - Kitchen (nhà bếp) - Revision

*** Vocabulary**

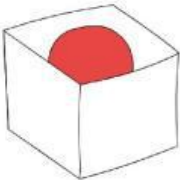
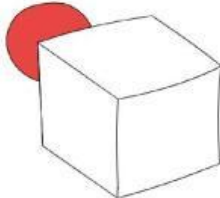
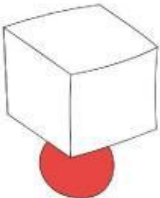
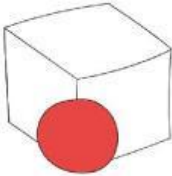
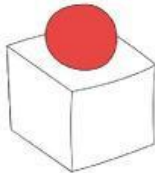
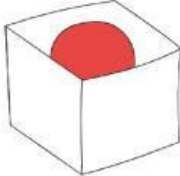
- | | |
|---------------------|---------------------|
| - fork: nĩa / đĩa | - on: trên |
| - spoon: thìa | - in: trong |
| - dish: đĩa | - between: giữa |
| - bowl: bát | - next to: bên cạnh |
| - sugar: đường | - under: dưới |
| - flour: bột mì | |
| - milk: sữa | |
| - egg: trứng | |
| - oven: lò nướng | |
| - fridge: tủ lạnh | |
| - pot: nồi | |
| - sink: bồn rửa bát | |

*** Exercise**

Listen and choose correct picture (Nghe và chọn tranh đúng)

1			
2			

3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			

10			
11			
12			
13			
14			
15	